

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2026

V/v: "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thuận;

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thùy D**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Khu phố D C, đặc khu P, tỉnh An Giang.

CCCD số 091190017410.

- **Bị đơn:** Anh **Bùi Văn B**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu phố D C, đặc khu P, tỉnh An Giang.

CMND số 371204520.

(chị D có đơn xin vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thùy D trình bày:**

Chị Lê Thùy D và anh Bùi Văn B tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 29/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, từ tháng 12 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị D xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Bùi Văn B, nên chị yêu cầu các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thùy D yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/3/2012. Chị Lê Thùy D có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu anh Bùi Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thùy D xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Bùi Văn B:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị Lê Thùy D và anh Bùi Văn B đăng ký kết hôn năm 2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Về con chung, hiện nay cháu Bùi Thị Quỳnh N, sinh năm 2012 do chị D nuôi dưỡng và căn cứ nguyện vọng của cháu Quỳnh N, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị D, chị D không yêu cầu cấp dưỡng, nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại thời điểm chị Lê Thùy D khởi kiện, bị đơn anh Bùi Văn B có nơi cư trú tại đặc khu P, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thùy D, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Vào năm 2012 chị Lê Thùy D và anh Bùi Văn B tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 29/02/2012 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, đến năm 2022 vợ chồng chị D và anh B bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, từ tháng 12 năm 2022 vợ chồng không còn sống chung với nhau. Xét thấy, chị D và anh B không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thùy D.

- **Về con chung:** Xét thấy, hiện nay con chung Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/3/2012 do chị Lê Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, để không làm thay đổi cuộc sống hiện tại của cháu và căn cứ nguyện vọng sống với mẹ của cháu Quỳnh N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị D. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét, giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Lê Thùy D xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự (quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự).

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Lê Thùy D.

[3]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Lê Thùy D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng chị Lê Thùy D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (chị D đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thùy D đối với anh Bùi Văn B, về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thùy D được ly hôn anh Bùi Văn B.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lê Thùy D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/3/2012, đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lê Thùy D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung: Chị Lê Thùy D xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị Lê Thùy D xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Lê Thùy D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003833 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A (*chị Lê Thùy D đã nộp xong*).

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thùy D và anh Bùi Văn B vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 - An Giang; (Đã ký)
- Phòng THADS khu vực 2 - An Giang;
- UBND;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn Khánh